

Bản án số 440/2023/HS-PT  
Ngày 25 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Tiến, ông Phạm Văn Hợp

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thu Hiền

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm, công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 387/2023/TLPT-HS ngày 14/8/2023 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại về **phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3043/2023/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Phần trách nhiệm hình sự không có kháng cáo, kháng nghị**, đối với bị cáo Nguyễn Việt H, sinh năm 1974, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: H X, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn Q (đã mất) và bà Nguyễn Thị Thu H1 (1952); vợ là Hà Phương T (1984), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 26/9/2019.

Bị hại có kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V2. Do các ông Trần Văn T1, Phan Minh V làm đại diện theo ủy quyền; địa chỉ: 1, 169 đường H, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; ông T1 và ông V có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Ông Huỳnh Tích G, sinh 1966; địa chỉ: T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ: P, tháp A, Tòa nhà số A T, phường V, Quận H, thành phố Hà Nội.

Ông G, bà H2 nguyên là vợ chồng đã lý hôn ngày 23/5/2013, ông G ủy quyền cho bà H2 tham gia tố tụng, bà H2 vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G, bà H2 là Luật sư Nguyễn Hồng H3 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H3, Đoàn Luật sư tỉnh K, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:*

Công ty TNHH T16 (gọi tắt là Công ty T16) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu vào ngày 31/10/1995. Ngày 15/9/2014, Công ty T16 đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp lần thứ 13 tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H, địa chỉ trụ sở tại H X, T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; danh sách thành viên góp vốn gồm Nguyễn Việt H, Nguyễn Thị Thu H1, Lương Thị T2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Nguyễn Việt H - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty. Ngày 24/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh K có Quyết định số 3647/QĐ-UB cho Công ty T16 thuê 72.850m<sup>2</sup> đất tại khu vực N, V, N để xây dựng Khu nghỉ mát cao cấp Dự án Ocean View N (gồm 05 thửa đất). Dự án Khu biệt thự cao cấp Ocean View N do Công ty T16 làm chủ đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K thông qua ngày 13/12/2004. Đến ngày 04/01/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh K có Quyết định số 10/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển từ hình thức cho Công ty T16 thuê đất để xây dựng Khu nghỉ mát cao cấp sang giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho Công ty T16 thuê đất để xây dựng công trình Khu biệt thự cao cấp Ocean View N (trong đó đất giao để xây dựng nhà biệt thự có diện tích 27,725m<sup>2</sup>). Tại điều 2 khoản f của Quyết định này quy định: “Công ty T16 không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức bán nền mà chưa xây dựng nhà ở”. Hiện nay Khu biệt thự cao cấp Ocean View N gồm 69 lô biệt thự được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng lẻ đứng tên Công ty TNHH T16 vào ngày 29/10/2009 (tách ra từ 05 thửa lớn ban đầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/6/2006).

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty T16 không có đủ tài chính để thực hiện dự án, nên từ năm 2006 Nguyễn Việt H đã thế chấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cả dự án cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi được cấp 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách từ 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu, Nguyễn Việt H tiếp tục thế chấp 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho nhiều ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền. Nguyễn Việt H biết dự án không được phân lô bán nền, nhưng do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, H đã ký “Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở” với nhiều đối tượng khác nhau. Khi ký hợp đồng này, H không cho người mua biết được thông tin của dự án cũng như việc H đã thế chấp toàn bộ 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhiều ngân hàng trước đó. Đồng thời, với 01 lô đất H đã ký “Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở” cho nhiều người rồi chiếm đoạt tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong đó, có nhiều trường hợp H ký “Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở” để người mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thế chấp vay tại ngân hàng cho H.

Với thủ đoạn nêu trên, H đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

+ **Lô đất số 05:** Ngày 08/11/2010, Nguyễn Việt H ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* số 10/2010/HĐGV-TN với vợ chồng ông Huỳnh Tích G, bà Nguyễn Thị H2 diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 10.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 3.750.000.000 đồng, H đã nhận đủ tiền từ ông G, bà H2. Ngày 26/9/2014, H tiếp tục ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* số 11/2014/HĐGV-TN với ông, bà Đinh Văn T3, Nguyễn Thị Y, đơn giá 6.000.000đ/m<sup>2</sup> thành tiền 2.250.000.000 đồng và H đã nhận và chiếm đoạt 2.250.000.000đ của ông T3, bà Y.

+ **Lô đất số 10 và số 63:** Ngày 28/4/2009 Nguyễn Việt H đã ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 04/2009/HĐGV-TN với ông Hà Văn H4 đối với lô đất số 10 có diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 8.000.000đ/m<sup>2</sup>; đồng thời, H cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 02/2009/CNGV ngày 28/4/2009 xác nhận ông H4 đã góp 90% giá trị hợp đồng. Ngày 08/5/2009, Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 05/2009/HĐGV-TN đối với lô đất số 63, diện tích 520m<sup>2</sup>, đơn giá 10.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 5.200.000.000đ với ông Hà Văn H4; đồng thời, H cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 01/2009/CNGV ngày 08/5/2009 xác nhận ông H4 đã góp 90% giá trị hợp đồng. Sau khi ký hai hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở nêu trên, ông Hà Văn H4 và bà Nguyễn Thị Thu T4 đã sử dụng hai hợp đồng góp vốn này thế chấp cho Ngân hàng TMCP V2 (V3) tại thành phố Hồ Chí Minh vay số tiền 3.000.000.000đ để đưa cho H sử dụng (thực chất hai hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở này ông H4 chỉ đứng tên mà không góp vốn, tạo điều kiện cho H chiếm đoạt số tiền 3.000.000.000đ của Ngân hàng V4).

+ **Lô đất số 13:** Ngày 12/01/2011, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 02/2011/HĐGV-TN với bà Nguyễn Thị H5 đối với lô đất số 13, diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 10.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 3.750.000.000đ, H đã nhận số tiền 1.925.000.000đ từ bà H5.

Ngày 15/3/2013 Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 05/2013/HĐGV-TN với bà Hồ Mỹ P đối với lô đất số 13 với số tiền 2.250.000.000đ, H đã nhận và chiếm đoạt 2.250.000.000đ của bà P.

+ **Lô đất số 16 và số 37:** Ngày 07/4/2014, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 05/HĐGV-TN với bà Nguyễn Nguyệt T5 đối với lô đất số 16, diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 6.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền là 2.250.000.000đ, H đã nhận đủ số tiền này từ bà T5.

Ngày 28/3/2005 Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 10/2005/HĐGV-TP với bà Nguyễn Thị Ngọc T6 đối với lô đất số 37, diện tích 400m<sup>2</sup>, đơn giá 6.500.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 2.600.000.000đ. Tiếp đến ngày 10/4/2007, Nguyễn Việt H ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ để bà Nguyễn Thị Ngọc T6 sang nhượng quyền hợp đồng lại cho Công ty TNHH Đ1 - đại diện là ông Lưu Tiến T7. H đã nhận đủ số tiền 2.340.000.000đ của Công ty TNHH Đ1.

Đối với hai lô đất trên Nguyễn Việt H thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N2, đến kỳ trả nợ, H không thanh toán nên Ngân hàng N2 đã khởi kiện ra Tòa và Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử, Cơ quan Thi hành án đã thi hành án kê biên bán đấu giá tài sản trên. Hiện nay, ông Nguyễn Văn Q1 đã trúng đấu giá mua được hai lô đất trên.

Như vậy, Nguyễn Việt H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Nguyệt T5 2.250.000.000đ và chiếm đoạt của Công ty TNHH Đ1 2.340.000.000đ.

+ **Các lô đất số 55, số 56, số 57 và số 59:** Ngày 12/9/2008, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 05/2008/HĐGV-TN với Công ty TNHH X do ông Nguyễn T8 làm Giám đốc đối với lô đất số 55 và 56; tổng diện tích 750m<sup>2</sup>; đơn giá 8.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 6.000.000.000đ, H đã nhận số tiền 5.400.000.000đ từ ông T8.

Ngày 09/5/2011, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 08/2011/HĐGV-TN với ông Trần Thanh D đối với lô đất số 57, diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 8.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 3.000.000.000đ, H đã nhận đủ số tiền này từ ông D.

Ngày 18/4/2011, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 06/2011/HĐGV-TN với ông An Văn H6 đối với lô đất số 59, diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 8.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 3.000.000.000đ, H đã nhận đủ số tiền này từ ông H6.

Đối với những lô đất trên vì không có tiền thanh toán cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh B, Ngân hàng TMCP V5 - Chi nhánh K, thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 12/7/2016, Nguyễn Việt H đã ký Hợp đồng chuyển nhượng lô số 55 cho ông Hoàng Bảo A với giá 1.500.000.000đ. Đến ngày 28/9/2016, H tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng lô đất số 59 cho ông Hoàng Bảo A với giá 1.500.000.000đ. H đã nhận từ Hoàng Bảo A số tiền 3.000.000.000đ.

Đồng thời, H cũng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng các lô đất số 56 và số 57 cho bà Nguyễn Thị Huyền N với giá 3.000.000.000đ và đã nhận đủ số tiền này từ bà N.

Như vậy, H đã chiếm đoạt của anh Hoàng Bảo A 3.000.000.000đ và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Huyền N 3.000.000.000đ.

+ **Lô số 58:** Ngày 22/4/2011, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 07/2011/HĐGV-TN với ông Đoàn Đức T9 đối với lô đất số 58, diện tích 375m<sup>2</sup>, đơn giá 8.000.000đ/m<sup>2</sup>, H đã nhận của ông T9 số tiền 1.200.000.000đ.

Ngày 05/11/2014, Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 04/2014 HĐGV-TN với ông Nghiêm Văn T10 đối với lô đất số 58 với giá 2.250.000.000đ và nhận đủ số tiền này. Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông T10 2.250.000.000 đồng.

+ **Lô số 60:** Ngày 06/4/2005, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 14/2005/HĐGV-TN với ông Lê Phúc V1, ông Phạm Văn C, bà Đinh Thị Thanh H7 đối với lô đất số 60, diện tích 400m<sup>2</sup>, đơn giá 6.370.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 2.248.000.000đ, H đã nhận đủ tiền.

Ngày 18/11/2015, Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 12/2015/HĐGV-TN với ông Nguyễn Trọng T11 đối với lô đất số 60 với giá 1.197.000.000đ, H đã nhận đủ tiền của ông T11. Ngày 17/5/2017, H đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng với ông Nguyễn Trọng T11.

Ngày 22/5/2017, Nguyễn Việt H ký Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Trịnh Trí D1 lô đất số 60 với giá 1.197.000.000đ, H đã nhận đủ số tiền này từ ông D1. Sau đó, H thông tin cho ông D1 biết việc quyền sử dụng đất lô đất số 60

đang thế chấp tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh B, ông D1 đã đồng ý thanh toán số tiền 1.536.000.000đ cho ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất số 60. H đã chiếm đoạt tổng số tiền là 2.733.000.000 đồng của ông D1.

+ **Lô số 68**: Ngày 13/01/2011, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 01/2011/HĐGV-TN với bà Nguyễn Thị Thanh B đối với lô đất số 68, diện tích 391m<sup>2</sup>, đơn giá 7.500.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 2.932.500.000đ, H đã nhận của bà B số tiền 2.500.000.000đ.

Ngày 20/3/2015, Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 03/2015/HĐGV-TN với bà Trần Thị Hải C1 đối với lô đất số 68 với giá 2.346.000.000đ, bị cáo H nhận và chiếm đoạt 2.346.000.000đ của bà C1.

+ **Lô số 11**: Ngày 08/11/2010, Nguyễn Việt H ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 11/2010/HĐGV-TN với ông Nguyễn Trọng Đ đối với lô đất số 11, diện tích 375m<sup>2</sup>, với giá trị hợp đồng là 3.750.000.000đ. Ông Đ đã thanh toán 80% giá trị hợp đồng với số tiền 2.925.000.000đ.

Ngày 23/7/2013, Nguyễn Việt H tiếp tục ký “*Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở*” số 17/2013/HĐGV-TN với ông Ngô Phi H8 đối với lô đất số 11 với giá 2.700.000.000đ; đồng thời, ông Ngô Phi H8 thanh toán cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh B số tiền 1.100.000.000đ để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với lô đất số 11 mà Công ty TNHH T16 đã thế chấp cho ngân hàng. Sau đó, ông Ngô Phi H8 đã chuyển nhượng lại lô đất này cho người khác. Đến ngày 17/7/2017, Nguyễn Việt H tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/HĐMB với các ông Nguyễn Văn C2 và Trần Văn A đối với lô đất số 11 với giá trị hợp đồng là 3.320.000.000đ. Tại Giấy biên nhận ngày 17/7/2017 xác nhận Nguyễn Việt H đã nhận đủ số tiền 3.320.000.000đ của ông C2 và ông A.

Tổng số tiền mà Nguyễn Việt H đã lừa đảo chiếm đoạt qua việc ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* và *Hợp đồng chuyển nhượng đất* với Đinh Văn T3, Nguyễn Thị Y; Ngân hàng TMCP V2 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hồ Mỹ P; Nguyễn Thị Nguyệt T12; Công ty TNHH Đ1; Hoàng Bảo A; Nguyễn Thị Huyền N; Nghiêm Văn T10; Trịnh Trí D1; Trần Thị Hải C1; Nguyễn Văn C2 và Trần Văn A là **27.203.000.000đ**.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 23/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:**

*Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2019.*

*Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.*

*Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Ngân hàng V2 phải nộp 114.752.992 đồng án phí dân sự sơ thẩm.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị hại là Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tích G1, bà Nguyễn Thị H2 do bà H2 làm đại diện kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH T16 phải tiếp tục thực hiện *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* ngày 08/11/2010 đối với Hợp đồng chuyển nhượng lô số 5; đối với Hợp đồng chuyển nhượng (nếu có) giữa các bị hại Đinh Văn T3, Nguyễn Thị Y với ông Bùi Đăng T13; Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Bùi Đăng T14 với Công ty TNHH T16 là các hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm việc xử lý hậu quả các hợp đồng này được giải quyết bằng vụ án khác khi ông T14 có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại là Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 giữ nguyên kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tích G1, bà Nguyễn Thị H2 do bà H2 làm đại diện giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ việc xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, phân trách nhiệm hình sự trong vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị mà chỉ có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng cáo của bị hại về phân trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tích G1, bà Nguyễn Thị H2 do bà H2 làm đại diện cho rằng *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* số 10/2010/HĐGV-TN ngày 08/11/2010 giữa Nguyễn Việt H với vợ chồng ông G1, bà H2 (ly hôn ngay 25/10/2019) về việc xây dựng nhà ở trên Lô đất số 5 diện tích 375m<sup>2</sup> đơn giá 10.000.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền 3.750.000.000 đồng và H đã nhận đủ tiền của ông G1, bà H2 là hợp pháp; sau đó, ngày 26/9/2014 H tiếp tục ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* cũng trên lô đất số 5 này với ông Đinh Văn T3, bà Nguyễn Thị Y mới là bất hợp pháp nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH T16 tiếp tục thực hiện *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* trên lô đất số 5 mà H đã ký với ông G1, bà H2, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Công ty TNHH T16 (sau đây viết tắt là Công ty T16) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 31/10/1995, ngày 15/9/2014 đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp lần thứ 13 tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H với danh sách thành viên góp vốn gồm Nguyễn Việt H, Nguyễn Thị Thu H1, Lương Thị T2,

người đại diện theo pháp luật của Công ty là Nguyễn Việt H - Chủ tịch Hội đồng thành viên và là Giám đốc Công ty. Ngày 24/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 3647/QĐ-UB cho Công ty T16 thuê 72.850m<sup>2</sup> đất (gồm 05 thửa đất) tại khu V, xã V, thành phố N để xây dựng Dự án khu nghỉ mát cao cấp Ocean View N, Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh K phê duyệt ngày 13/12/2004. Ngày 04/01/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND cho phép chuyển từ hình thức cho Công ty T16 thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng Dự án với diện tích đất xây Nhà biệt thự là 27,725m<sup>2</sup> và Điều 2 khoản f Quyết định ghi rõ: “Công ty T16 *không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức bán nền mà chưa xây dựng nhà ở*”. Hiện nay Dự án gồm 69 lô Nhà biệt thự được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng lẻ đứng tên Công ty TNHH T16 ngày 29/10/2009 (tách ra từ 05 thửa đất lớn ban đầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/6/2006).

Công ty T16 không đủ tài chính thực hiện dự án nên từ năm 2006 Nguyễn Việt H đã thế chấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của cả Dự án cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi được cấp 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tách từ 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu, Nguyễn Việt H tiếp tục thế chấp 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho nhiều Ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền và mặc dù biết Dự án không được phân lô bán nền, nhưng do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên H ký các *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* với nhiều người để chiếm đoạt tiền, khi ký các Hợp đồng H không cho người mua biết thông tin Dự án cũng như việc H đã thế chấp toàn bộ 69 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhiều Ngân hàng trước đó. Đồng thời, với 01 lô đất H đã ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* với nhiều người rồi chiếm đoạt tổng số tiền **27.203.000.000đ**.

Như vậy, mặc dù toàn bộ quyền sử dụng 69 Lô đất của Dự án (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Nguyễn Việt H đã thế chấp vay tiền nhiều Ngân hàng và mặc dù biết Dự án không được phân lô bán nền, nhưng ngày 08/11/2010 H vẫn ký *Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở* số 10/2010/HĐGV-TN với vợ chồng ông Huỳnh Tích G, bà Nguyễn Thị H2 tại Lô đất số 5 và nhận 3.750.000.000 đồng của ông T15, bà H2 là hành vi vi phạm pháp luật; do ông G, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 27.203.000.000 đồng (trong đó có 3.750.000.000 đồng nhận của ông G, bà H2) và tuyên bố không xem xét trách nhiệm dân sự đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại, vắng mặt tại phiên tòa mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có cơ sở, đúng pháp luật; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông G, bà H2 do bà H2 làm đại diện theo ủy quyền.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Ngân hàng V2 (V4) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc V4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Nguyễn Việt H (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty T16) thế chấp quyền sử dụng nhiều lô đất thuộc Dự án khu

ngủ mát cao cấp Ocean View N do Công ty T16 là Chủ đầu tư để vay tiền V4. Tại cấp sơ thẩm, V4 là bị hại đã yêu cầu giải quyết buộc Công ty T16 trả tiền vay gốc và trả lãi tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng, trường hợp Công ty T16 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên V4 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ. Như vậy, nếu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết ngay yêu cầu của V4 trong vụ án này thì yêu cầu của V4 yêu cầu Công ty T16 trả lãi là phù hợp pháp luật; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không xem xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị hại (trong đó có V4) về trách nhiệm dân sự mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, nhưng lại cho rằng yêu cầu của V4 yêu cầu Tòa buộc Công ty T16 trả lãi tiền vay là không phù hợp pháp luật, từ đó buộc bị hại V4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của V4; do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của V4 sửa bản án sơ thẩm về vấn đề này. V4 kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:...

#### **3. Về án phí: ...**

Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần V2 không phải chịu nên được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0010262 ngày 27/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo và các bị hại có kháng cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Kim Nhân**